



DANH MỤC CHỈ TIÊU XÉT NGHIỆM ĐƯỢC CÔNG NHẬN

LIST OF ACCREDITED MEDICAL TESTS

(Kèm theo quyết định số/ Attachment with decision: /QĐ - VPCNCLQG
ngày tháng 05 năm 2025 của giám đốc Văn phòng Công nhận Chất lượng quốc gia/
of BoA Director)

Tên phòng xét nghiệm: **Trung tâm Huyết học truyền máu**
Medical Laboratory: **Hematology and Blood Transfusion Center**
Cơ quan chủ quản: **Bệnh viện Trung ương Thái Nguyên**
Organization: **Thai Nguyen Central Hospital**
Lĩnh vực xét nghiệm: **Huyết học**
Field of medical testing: **Hematology**
Người phụ trách/
Representative: **Nguyễn Kiều Giang**
Số hiệu/ Code: **VILAS Med 152**
Hiệu lực/ Validation: từ ngày /5/2025 đến ngày /5/2030
Địa chỉ/ Address: **số 479 Lương Ngọc Quyến, Thành phố Thái Nguyên**
Địa điểm/ Location: **tầng 7 tòa nhà kỹ thuật 15 tầng, số 479 Lương Ngọc Quyến, Thành phố Thái Nguyên**
Điện thoại/ Tel: **02083.855840**
Email: **huyethoctn@gmail.com**
Website: **www.bvdkthuthainguyen.gov.vn**

DANH MỤC CHỈ TIÊU XÉT NGHIỆM ĐƯỢC CÔNG NHẬN
LIST OF ACCREDITED MEDICAL TESTS

VILAS Med 152

Lĩnh vực xét nghiệm: Huyết học

Discipline of medical testing: Hematology

TT	Loại mẫu (chất chống đông nếu có) <i>Type of sample (anticoagulant-if any)</i>	Tên các chỉ tiêu xét nghiệm <i>The name of medical tests</i>	Nguyên lý/ Kỹ thuật xét nghiệm <i>(Principle/ Technical test)</i>	Phương pháp xét nghiệm <i>Test method</i>
1.	Máu toàn phần Whole Blood (EDTA)	Đếm số lượng bạch cầu (WBC) <i>White blood cell count (WBC)</i>	Perox + Laser <i>Perox + Laser</i>	QTKT.HH.20 (2024) (Advia 2120i)
2.		Đếm số lượng Hồng cầu (RBC) <i>Red blood cel count (RBC)</i>	Laser <i>Laser</i>	QTKT.HH.21 (2024) (Advia 2120i)
3.		Xác định lượng Huyết sắc tố (HBG) <i>Determination of Hemoglobin (HGB)</i>	Đo quang <i>Optical measurement</i>	QTKT.HH.22 (2024) (Advia 2120i)
4.		Đếm số lượng Tiểu cầu (PLT) <i>Platelet count (PLT)</i>	Laser <i>Laser</i>	QTKT.HH.23 (2024) (Advia 2120i)
5.	Huyết tương Plasma (Citrat Natri)	Thời gian Prothombin (PT) giây <i>Prothrombin time in seconds</i>	Đo thời gian đông của huyết tương <i>Time measurement of plasma clots</i>	QTKT.HH.04 (2024) (Sta Rmax)
6.		Định lượng Fibrinogen <i>Quantitative of Fibrinogen</i>		QTKT.HH.05 (2024) (Sta Rmax)
7.		Thời gian thromboplastin được hoạt hóa một phần (APTT) giây <i>Activated partial thromboplastin time in seconds</i>		QTKT.HH.06 (2024) (Sta Rmax)

Ghi chú/ Note:

- QTKT.HH: Phương pháp do PXN xây dựng/ *Laboratory developed method*
- Trường hợp Trung tâm Huyết học truyền máu cung cấp dịch vụ xét nghiệm phải đăng ký hoạt động và được cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động theo quy định của pháp luật trước khi cung cấp dịch vụ này/ *It is mandatory for the Hematology and Blood Transfusion Center that provides the medical testing services must register their activities and be granted a certificate of registration according to the law before providing the service.*

